

Hồi Ký
Đệ Nhất Thiên Xứng / ngành Cơ Khí
NGUYỄN VĂN QUANG

Tưởng Nhớ Vị Chỉ Huy Trưởng Khả Kính Lực Lượng Hải Quân Bán Đảo Sơn-Trà Đà Nẵng

*"Mất một đời mà được cả giang san
Yêu chiến sĩ không biết hàng định mệnh"*
Hữu Phương
Trích bài thơ "Ý Nghĩa Ra Đi"

Lời cảm tạ của người viết :

Do tôn-y của Nhà thơ Hải Quân Tôn Thất Phú Sĩ, đưa trang Tưởng Niệm 23 năm, 28-6-1988 -- 28-6-2011, ngày Phó Đề-Đốc NGUYỄN HỮU CHÍ, Nhà thơ HỮU PHƯƠNG đã quá vãng, lên Blog site; và được sự khuyến khích, hỗ trợ của:

*- Phó Đề-Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại, cựu Tư Lệnh Hải Quân Vùng 1 Duyên Hải,
- Quý Vị Hải Quân Đại Tá Nguyễn Văn Ánh, cựu Tham Mưu Trưởng Hải Quân VNCH,
- HQ Đại Tá Nguyễn Bá Trang, cựu Tư Lệnh Lực Lượng Thủy Bộ,
- HQ Đại Tá Nguyễn Văn Thiện, cựu Tư Lệnh Hải Quân Vùng 4 Duyên Hải;
để hoàn chỉnh trang Tiểu Sử và Võ Nghiệp của cố Đô-Đốc Chí, duyệt lại bản thảo của bài hồi ký về sự việc đã xảy ra trên bốn mươi lăm năm trước, cung cấp các ảnh kỷ niệm quý báu; nên đã đưa được các bài viết, di-ảnh và di-cáo về thơ của Người quá cố lên 'Tonthatphusi.Centerblog'; vào thời điểm Tưởng Niệm lần thứ 23, ngày 28 tháng 6 năm 2011.*

Với lời hướng dẫn giàu lòng vị-tha của Vị Chỉ Huy cao cấp Hải Quân, chúng tôi đã liên lạc được với gia đình của hai Ái-Nữ cố Phó Đề-Đốc Nguyễn Hữu Chí ở Virginia và ở Florida. Chúng tôi xin chân thành cảm tạ Hải Quân Đại Tá Nguyễn Văn Ánh.

Nhờ vậy, gia đình Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh, Virginia và gia đình Bà Nguyễn Thị Hoàng Loan, Florida, đã cung cấp di-ảnh của cố Đô-Đốc Chí, di-cáo Thơ Hữu Phương và tài liệu văn-hóa-phẩm xuất bản ở Sài Gòn trước năm 1975; làm cho trang Tưởng Niệm thêm phần tôn kính Người đã khuất, và thêm tư-liệu phong-phú phổ-biến về các tác phẩm Thi-Ca của cố Thi-sĩ Hữu Phương đã cống hiến trên Thi-Văn Đàn Việt Nam. Chúng tôi vô cùng biết ơn hai gia đình Ái-Nữ của cố Đô-Đốc Chí.

Vì không tham khảo được Thi Tập 'Kiếp Lưu Đà', cố Thi-sĩ Hữu Phương sáng tác sau 1975, nên chúng tôi đã xin phép trích một số câu thơ Hữu Phương đã được đưa lên bài viết của Nhà Thơ Hải Quân Vĩnh Liêm, đề ngày 17-07-1988, Đức Phố -- Germantown, MD, USA. Chúng tôi cũng nhân tiện đây, kính xin cảm ơn Tác Giả Vĩnh Liêm; qua các tài liệu, là người rất gần gũi với Phó Đề-Đốc Nguyễn Hữu Chí khi sinh thời ở Hoa Kỳ.

Kính đa tạ Quý Đô-Đốc, Liệt-Vị Đại Tá cùng Gia đình cố Phó Đê-Đốc Nguyễn Hữu Chí, Quý Vị và Độc giả.- NVQ.



Mùa Hè năm 1965, tiết trời ở miền Trung nắng oi bức, dù chỉ mới hơn 11 giờ trưa. Chiếc Beechcraft nhỏ hai động cơ cánh quạt của Lục Quân Hoa Kỳ màu xanh olive đáp xuống phi trường Đà Nẵng và từ từ chạy vào sân dành riêng cho máy bay của Air America. Trên máy bay vốn vẹn có mấy người bước xuống sân, trong số đó có hai người Việt : Một sĩ quan đàn anh, mặc thường phục, thường gọi đại úy Nguyệt và tôi, từ Hải quân Công xưởng Sài Gòn thuyền chuyển ra Đà Nẵng, mặc quân phục Hải quân, vai đeo ba vạch vàng, cấp hiệu cũ đại úy.

Xe “van” 8 chỗ ngồi, sơn màu đen, bảng số xe màu vàng chữ màu lục “NT”, chở hai người mới đáp xuống phi trường về bán đảo Sơn-Trà, Đà Nẵng. Con đường từ phi trường về đơn vị đi ngang cầu Trình Minh Thế bắt qua sông Hàn rồi rẽ trái cũng non 12 cây số. Đền địa phận bán đảo Sơn-Trà có trạm gác Cầu Trắng. Chiếc cầu nhỏ bắc ngang suối chảy từ núi xuống là nút chặn xa của đơn vị Hải quân. Xe bị chặn lại kiểm soát giấy tờ rồi cho đi. Thấy tôi có vẻ lạ, người lái xe cho biết sắp tới đơn vị.

Đơn vị Hải quân mới được xây dựng ở ngay dưới chân đồi của ngọn núi Tiên-Sa. Đã quá trưa, các văn phòng đều đóng cửa. Trong căn cứ, phòng ăn dành cho sĩ quan cũng đã vắng vì vào khoảng 11 giờ rưỡi đã bắt đầu phục vụ bữa ăn trưa cho sĩ quan. Tôi được sĩ quan trực đưa về phòng riêng dành cho tôi và sau đó cùng đại úy Nguyệt đến phòng ăn. Bữa cơm trưa đầu tiên ở Đà Nẵng, nhiều cá tôm hơn là thịt.

Đầu giờ chiều, tôi vẫn mặc quân phục, vào trình diện vị Chỉ huy trưởng đại đơn vị Hải quân ở bán đảo Sơn-Trà, một trong năm lực lượng chủ lực của quân chủng Hải quân : Hải lực, Giang lực à Vị Chỉ huy trưởng mặc thường-phục, nụ cười hiền hòa, nói chuyện với tôi như một người đàn anh nói chuyện với một sĩ quan đàn em. Tôi nhận huấn thị về tổ chức, hoạt động, sinh hoạt và cuối cùng nhiệm vụ được giao phó cho tôi.

Dù đã trải qua mấy chục năm, tôi còn nhớ, buổi trình diện ấy đã gieo cho tôi nhiều lo lắng khi nghĩ về công tác và trách nhiệm được giao phó gồm nhiều vấn đề mới lạ, khác với đơn vị Hải quân bình thường ở trên bờ. Nhưng đức tính hài hòa của cấp chỉ huy mà tôi mới trình diện chiều hôm đó đã giúp tôi cảm thấy phần nào yên tâm. Vị chỉ huy trưởng người miền Nam,

dáng người cao, gương mặt nghiêm nhưng hiền, mang cấp bậc Hải quân Trung tá và nhiều năm trước đây đã đảm nhiệm chức vụ Sĩ quan Tùy viên của cố Tổng Thông Ngô Đình Diệm.

Trình diện xong, tôi thay quân phục, mặc thường phục, từ “căn cứ Trên” (upper base), gọi ngắn gọn là 'trại-trên', đi theo một sĩ quan khóa đàn anh, hay gọi là đại úy Sơn, cũng mặc thường phục, xuống “căn cứ Dưới”, hay 'trại-dưới' (lower base); để gặp các cấp chỉ huy và các sĩ quan đối nhiệm. Tên của đại úy Sơn, gọi theo tiếng Anh thật dễ phát âm. Lúc mới gặp chúng tôi, đại úy Hải quân Mỹ, phụ trách kỹ thuật và huấn luyện mà thường nhật tôi sẽ làm việc trực tiếp, đã chào “Lieutenant Sơn” một cách thân mật, vui vẻ dù cả hai chúng tôi không mặc quân phục.

Đại úy Mỹ này đưa chúng tôi đến các phân xưởng bảo trì, sửa chữa, kho tiếp liệu - tại mỗi nơi không quên giới thiệu tôi với các trưởng nhiệm sở, trưởng phân xưởng - rồi cùng đi xem nhà máy phát điện riêng cho cả 'trại-trên' và 'trại-dưới', viếng các bồn chứa nhiên liệu chôn ngầm dưới mặt đất và một số bồn nhiên liệu đã chiến bằng cao-su đặc biệt đặt trên mặt đất. Kho chứa nhiên liệu chiếm khu đất rất rộng.

Kế đó, là xuống xem ba dãy cầu tàu dài, kết bằng nhiều bè kim loại “pontoon” khối vuông; trên đó trang bị hệ thống điện, ống nước, nhiên liệu, hơi nén, rất tiện nghi để bảo trì, sửa chữa hay chuẩn bị cho chiến đĩnh tham gia huấn luyện hay công tác hành quân. Liên bên các cầu tàu là U nổi (floating drydock), và cần cẩu nổi để có thể đưa khinh-tốc-đĩnh lên khỏi mặt nước, sửa chân vịt hay vỏ tàu, hoặc thay máy chánh.

Sau cùng là lên thăm các khinh-tốc-đĩnh. Vào thời điểm ấy có ba loại, hai loại sử dụng nhiên liệu là dầu cặn (fuel oil) và một loại động cơ chạy xăng (gasoline). Khi đứng trên tàu chạy xăng, bất giác tôi nói tiếng Anh với đại úy Hoa kỳ “PT one-O-nine”; vì sự nhớ, thế chiến II, khinh-tốc-đĩnh PT 109 chạy xăng của HQ Trung úy John F. Kennedy bị khu-trục-hạm Nhật Amagiri đâm chìm ngoài khơi quần đảo Solomon.

Tại 'trại-dưới', khi chiến đĩnh về bến, không có quân số cơ hữu trang bị thường trực trên tàu, các thủy-thủ-đoàn đều ở trên bờ, tại 'trại-trên'. Khi được chỉ định tham gia huấn luyện thao-dượt hải hành, hay tác xạ, các thủy thủ đoàn được chỉ định xuống chiến đĩnh nhưng về tới bến tất cả đều lên bờ. Trong phạm vi bảo trì quân dụng điện tử, vũ khí, máy móc thì mỗi thủy-thủ-đoàn chuyên trách một tàu.

Cuộc thăm viếng đơn vị kết thúc ở đây. Ngày hôm sau, tôi được lãnh y-phục làm việc bằng vải dày màu 'olive', áo không có cầu vai. Ngày đầu tiên công tác ở đơn vị mới, tôi gặp các sĩ quan đối nhiệm, các hạ sĩ quan Hải quân Mỹ thuộc nhiều chuyên ngành kỹ thuật, để kiểm tra từ quân dụng điện tử, vũ khí, máy chánh máy điện, dụng cụ 'phòng tai' (phòng cháy, chữa cháy), lượng nhiên liệu, dầu nhớt trên tàu... và theo dõi bảo trì hằng ngày, quan hệ với các Hạm trưởng Hải quân Việt Nam, và các thủy-thủ-đoàn, thấu thập nhận xét đề nghị kỹ thuật của chiến đĩnh để luôn luôn đặt chiến đĩnh trong tình trạng sẵn sàng tác chiến.

Đại úy Sơn, (về sau Hải quân Trung tá Trần V.L.), một sĩ quan Hải quân hoạt bát, vui tính, nên dễ gây cảm tình với các đồng nhiệm Hải quân Mỹ. Đại úy Sơn đã tích cực hoàn thành các nhiệm vụ được giao phó, cả tham mưu lẫn hành quân. Ngày nay, khi viết những dòng này... đại úy Sơn không còn nữa !

Mỗi buổi sáng, không ai mặc quân phục, tất cả thủy-thủ-đoàn chào cờ ở 'trại-trên', sau đó băng qua đường lộ chính của bán-đảo Sơn-Trà, xuống 'trại-dưới'. Trên các cầu tàu tấp nập người lên kẻ xuống, tất cả máy chánh đều được khởi động. Mùi khói hơi dầu thoát ra ở sau tàu, chứ không như chiến hạm, dù lớn nhỏ, khói thoát ra từ máy chánh bay lên trời. Các dàn radar quay tròn, nòng pháo di-động nâng lên xuống, các dàn đại liên quay quanh để thử góc

an-toàn (nòng súng không quay mũi vào trong chiến đĩnh), kiểm tra sự kín nước của các thùng đạn, thùng đựng áo phao cấp cứu, kiểm soát đáy tàu không có nước vào...

Sau 9 giờ sáng, một số khinh-tốc-đĩnh ra khơi, thường thao dợt hải hành tập đội, thực tập tác xạ. Số khinh-tốc-đĩnh khác cũng tháo dây buộc tàu ở 'pông-tông' -- tên thường gọi cầu tàu -- tách bến ra khơi để thử máy chánh, thử radar, có khi thử vũ khí, bắn đạn thật, để đảm bảo cho chuyến hành quân thường khởi hành buổi chiều.

Giờ tách bến buổi sáng, mùa hè ở Đà Nẵng trời trong xanh, nắng chói, biển êm, gió mát. Tiếng máy chánh nổ đều, lòng ai nấy cũng thấy niềm vui ra biển. Cần điều khiển máy chánh trên đài chỉ huy, chỉ cần nhích nhẹ, vòng quay của hai máy chánh tăng rất nhanh, khinh-tốc-đĩnh rẽ sóng, sóng cuộn sau lái tàu dạt ra hai bên, mũi tàu bóc hẳn lên khỏi mặt nước, lái tàu chìm xuống.

Nhưng trước khi rời khỏi vịnh nhỏ giữa 'trại-dưới' và đối diện bên kia, ngọn đồi với tòa nhà kiến trúc xưa, bề thế thời thuộc địa, dưới tàng cây lớn, Bộ chỉ huy Hải quân Vùng 1 Duyên hải (V1ZH), khinh-tốc-đĩnh không dám chạy nhanh, sợ sóng va mạnh các truy-kích-đĩnh, ghe Hải thuyền vào cầu tàu, kè đá (jetée) có thể làm hỏng vỏ tàu.

Đầu giờ chiều, bận rộn không kém buổi sáng. Trên bờ ở 'trại-dưới', các phân xưởng kê vào người ra, đem quân dụng điện tử xuống trang bị cho chiến đĩnh, đem dụng cụ sửa chữa khăn cấp lên tàu. Tại các cầu tàu, khởi động máy chạy để kiểm soát toàn bộ máy móc, chạy máy điện để thử radar, máy vô-tuyến, máy đo chiều sâu, tốc độ kế, la bàn điện, hệ thống điện à

Có nhóm tàu gồm hai hay ba khinh-tốc-đĩnh thì rời cầu tàu, đi huấn luyện ở biển, có nhóm khác thường là ba chiến đĩnh đang chuẩn bị công tác hành quân, lên đường buổi chiều. Các thủy-thủ-đoàn được chỉ định đi công tác lần lượt lên tàu, và tùy theo ngành chuyên môn kiểm soát quân dụng, máy móc, vũ khí.

Các Hạm trưởng, sau khi họp hành quân, nhận chỉ thị và tin tức; rời phòng thuyết trình và đi thẳng xuống chiến đĩnh. Đoàn khinh-tốc-đĩnh được đặt dưới quyền chỉ huy của sĩ quan chỉ huy chiến thuật (OTC), thường là sĩ quan thâm niên. Giờ khởi hành công tác từ bán đảo Sơn-Trà phụ thuộc lệnh hành quân, lúc sớm đầu giờ chiều, lúc muộn khi mặt trời sắp lặn.

Giờ tiễn đoàn khinh-tốc-đĩnh tách bến, trên đó có các Hạm trưởng cùng khóa, hay các khóa sau, có các nhân viên ngày trước cùng tôi phục vụ trên chiến hạm, bóng chiều ngã về tây, tôi đứng trên cầu tàu, nhìn theo luồng nước tung bọt trắng của đoàn chiến đĩnh ra khơi, lòng không khỏi lo nghĩ tới những hiểm nguy mà các thủy-thủ-đoàn sẽ can-đảm đối phó giữa đêm khuya, ngay trên hậu tuyến đối phương. Trong thâm tâm tôi, tôi hằng nghĩ luôn cố gắng tích cực hoàn thành nhiệm vụ giao phó để đem lại an-toàn tối đa về kỹ thuật cho đoàn khinh-tốc-đĩnh hành quân.

Các sĩ quan, chuyên viên kỹ thuật bạn, chuyên viên cơ hữu của đơn vị, cũng như tôi, đứng trên bờ, hay cầu tàu, không ai rời mắt khỏi đoàn tàu vừa tách bến thực hiện nhiệm vụ hành quân được giao phó, một giây phút suy nghĩ nào đó, lo lắng cho thủy-thủ-đoàn và chiến đĩnh vừa rời bến ! Tất cả mọi người chờ cho đoàn tàu tiến vào vịnh Đà Nẵng để ra biển, khuất sau tàng cây lớn và ngọn đồi của Bộ chỉ huy Hải quân V1ZH mới lần lượt tản hàng. Ai cũng mong nhiều may mắn cho đoàn tàu trên trận tuyến trở về an-toàn.

Không bao lâu sau ngày tôi chuyển đến đơn vị mới thì có lẽ trao quyền chỉ huy không phổ biến rộng. Vị tân Chỉ huy trưởng là một sĩ quan cấp tá rất mẫu-mực, khả kính trong quân chủng. Chương trình của vị tân chỉ huy rất bận rộn, ngoài việc thăm viếng cơ quan và các cấp chỉ huy đối nhiệm thuộc Hải quân bạn còn phải tham dự quan sát huấn luyện ở trên bờ, theo đoàn tàu thao dợt đội hình về chiến thuật trên biển, dự các buổi thuyết trình về hoạt động của

lực lượng trên nhiều loại hình công tác ở hậu tuyến đối phương, thanh tra các khinh-tốc-đỉnh, quan sát các phân xưởng và phương tiện yêm-trợ kỹ thuật, sửa chữa.

Trong thời gian này, vì Người nhái của Biệt hải cũng thường kết hợp tham gia công tác với chiến đĩnh trong nhiệm vụ đột kích, tấn công phá hoại ngay trên bờ của đối phương nên vị tân chỉ huy trưởng cũng đã dành thì giờ dự các buổi huấn luyện, thao dợt của Người nhái. (Xin xem ảnh).



Di ảnh năm 1965, cố Phó Đề-Đốc Nguyễn Hữu Chí, Chỉ Huy Trưởng Lực Lượng Hải Tuân ở Đà Nẵng; khi đến dự buổi tập dợt của người nhái trên bãi biển “Spanish Beach”; ảnh chụp vào giờ nghỉ.

(PĐĐ CHÍ ngồi bên trái ở hàng đầu; bên phải hàng đầu, cựu Hải Quân Đại Tá Nguyễn Văn Thiện).

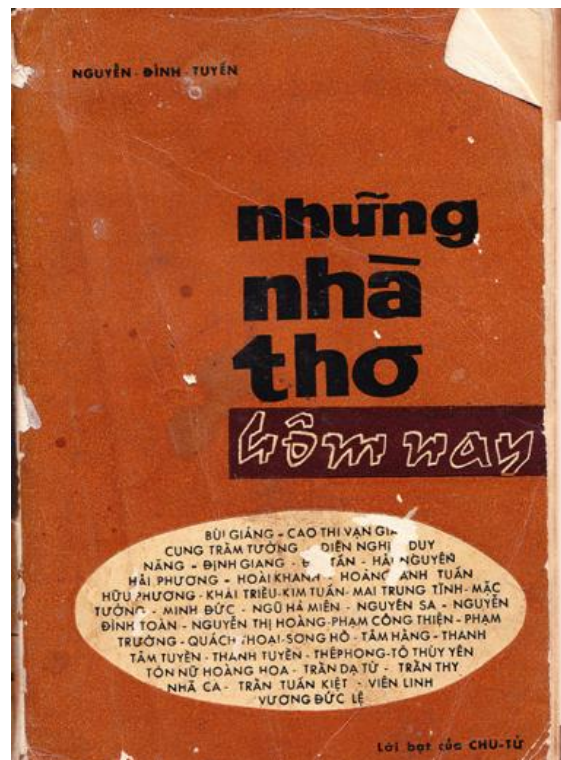
Ảnh do cựu Hải Quân Đại Tá Nguyễn Văn Thiện cung cấp ngày 19 tháng 6 - 2011.



Ảnh chụp tại Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Duyên Phòng CTF-213 tại Vịnh Cam Ranh, thời kỳ Hải Quân Hoa Kỳ và Hải Quân Việt Nam cùng phối hợp hoạt-động ; trước khi bàn giao quyền chỉ huy cho Hải Quân Việt Nam Cộng Hoà. Trong ảnh, nhiều Sĩ Quan và nhân viên Hải Quân Việt, Mỹ. Người đứng trên hàng đầu là Hải Quân Đại Tá NGUYỄN HỮU CHÍ , người đứng hàng thứ nhì, bên tay trái của Đại Tá Chí là Hải Quân Đại Tá CARL QUANSTROM, Hải Quân Hoa Kỳ, đương kim Tư Lệnh Lực Lượng Duyên Phòng (Commander Task Force).
Ảnh do cựu Hải Quân Đại Tá Nguyễn Bá Trang cung cấp 19 tháng 6 – 2011).

Cũng như vị chỉ huy trưởng tiền-nhiệm, vị tân chỉ huy luôn mặc thường-phục trong sinh hoạt ở đơn vị hay liên hệ với cơ quan đối nhiệm. Từ trong Nam ra, tánh người điềm-đạm, rất cởi mở và thường lưu tâm đến đời sống hằng ngày của thuộc cấp. Hầu hết thủy-thủ-đoàn từ miền Nam thuyên chuyển ra Trung, xa gia đình.

Nghệ thuật chỉ huy với tinh thần ân-cần đó, phản ảnh phần nào tâm-hồn phóng khoáng, vị tha, thánh thiện của một thi sĩ khoác áo quân nhân, rất gần gũi thuộc cấp, Nhà Thơ HỮU PHƯƠNG, đã xuất bản các Thi phẩm góp phần cho Thi-Văn-đàn dưới chính thể Việt Nam Cộng Hòa.





Nhà thơ Hữu Phương (ảnh mặc quân phục Hải Quân Đại Úy) và các nhà thơ có tên trong cuốn ' Những Nhà Thơ Hôm Nay ', Tác giả Nguyễn Đình Tuyển, Nxb. Nhà Văn Việt Nam, Sài Gòn 1967.

Và không bao lâu sau, vị tân chỉ huy đã lập chương trình lên đường hành quân với các Hạm trưởng và thủy-thủ-đoàn để trải nghiệm chiến thuật, cũng vừa thực sự muốn chia sẻ cùng sĩ quan và các cấp thuộc quyền những giờ phút căng thẳng cao độ khi lâm trận với địch, khi bị pháo duyên hải tấn công đoàn tàu, hay máy bay đối phương xạ kích, oanh tạc, và ghe đánh cá bè ngoài lương thiện nhưng đã bất thần tấn công khinh-tốc-đỉnh bằng súng-không-giật. Một hôm, tôi được chỉ định tháp tùng theo vị chỉ huy lên khinh-tốc-đỉnh khởi hành công tác hành quân.

Chiều hôm ấy, rất rộn rịp, các thủy-thủ-đoàn đã xuống tàu cả tiếng đồng hồ trước giờ khởi hành, khởi động các loại máy, kiểm soát dụng cụ vô tuyến, điện tử, radar, kiểm soát vỏ tàu kín nước, lượng nhiên liệu, dầu nhớt, quay thử nòng pháo. Trong thời gian này, chờ hạp hành quân, các chuyên viên kỹ thuật bạn của các phân xưởng yểm trợ đều túc trực sẵn sàng trên bờ để ứng phó kịp thời, giúp cho tàu rời bến đúng giờ đã định theo lệnh hành quân.

Phía bạn, nhiều sĩ quan xuống tận cầu tàu tiễn vị tân chỉ huy trưởng cùng đoàn chiến đỉnh rời bến. Ba khinh-tốc-đỉnh lần lượt từng chiếc một tách bến, vị chỉ huy đi trên tàu của sĩ quan chỉ huy chiến thuật (OTC), tôi ở trên chiếc thứ hai. Nhìn cầu tàu lùi dần phía sau, những người tiễn chân vị chỉ huy còn đứng trên cầu tàu. Theo đội hình hàng một, chiếc trước chiếc sau, không có quốc kỳ, cũng không lệnh kỳ đuôi nheo (flamme de guerre), sóng dạt mạnh ra ngoài từ hai bên hông chiến đỉnh, mũi tàu nhấc bổng lên, ba chiến-đỉnh hùng-dũng rẽ sóng trong khí-thể xuất-kích.

Hoàng hôn chìm dần, đến khi ánh chiều mờ nhạt còn lại sau rặng Trường sơn một màu xanh thẫm, đoàn khinh-tốc-đỉnh đã tiến về hướng Đông, quá xa bờ biển miền Trung, mới bắt đầu

đôi “cap” sang hướng Bắc. (“cap” tiếng Pháp, hướng đi của tàu theo la-bàn). Khi thực sự đi vào Biển Bắc, trời đã tối hẳn. Màn đêm đen bao phủ, luôn lợi dụng đêm tối trời để giữ thế chủ động, đoàn tàu vẫn giữ đội hình hàng một. Biển tuy êm nhưng tàu cũng dập sóng vì vận tốc nhanh. Tiếng máy chạy, gió rít, sóng vỗ mạnh vào mạn tàu, mùi dầu từ ống khói tàu lan theo gió, bọt nước tung tóe theo gió tạt vào mặt, đã trở thành quen thuộc với người đi biển, phục vụ trên khinh-tốc-đỉnh.

Đêm nay biển êm gió lặng. Tất cả các công tác đã thực hiện đúng theo quy định, và tuyệt-đối hoàn toàn giữ im lặng vô tuyến. “Ổ nhà” thường xuyên trực máy 24/24, kể từ khi đoàn khinh-tốc-đỉnh tháo dây buộc tàu ra đi. Lệnh giữ im lặng vô tuyến cũng được triệt để thi hành...

Hừng Đông, màn sương mỏng báo hiệu ngày nắng đẹp, “cap” của tàu đã quay về hướng Nam. Không bao lâu sau, trời sáng dần, mặt biển thật êm. Khi chiến hạm đi vào vùng biển Phan thiết, Cù lao Thu (đảo Phú Quý), từng đàn cá heo hay cá ông nược bơi đuối theo tàu. Đến miền Trung, lúc biển lặng, cá chuồng thường bay lên khỏi mặt nước trước mũi tàu : “đã về bên này !”.

Thêm vài tiếng đồng hồ, chiến đỉnh cập bến. Liền sau đó là giờ thuyết trình tại phòng hành quân do SQ chỉ huy chiến thuật và các Hạm trưởng với sự hiện diện của vị chỉ huy đã giám sát cuộc hành quân.

Anh em thuộc thủy-thủ-đoàn có người đã chuẩn bị thu hồi nón sắt, áo giáp, đây lại pháo tháp, dàn đại liên, bích-kích-pháo, thu xếp lại thức ăn cá nhân. Ở phòng máy, nhân viên cơ khí bắt đầu thu dọn dụng cụ sửa chữa khẩn cấp đã mang theo mỗi lần đi công tác, kiểm tra toàn bộ tình hình máy chánh, máy điện, số lượng nhiên liệu, nhớt còn lại. Tại đài chỉ huy, có sự nhận xét về điện tử, vô tuyến. Tài liệu hải hành cũng được kiểm soát lại để hoàn cho bộ chỉ huy.

Khi đoàn tàu sắp về tới bến, mới thoáng xuất hiện ở ngang Bộ chỉ huy HQ V1ZH, nhiều sĩ quan bạn đã xuống tận cầu tàu đón vị chỉ huy và các Hạm trưởng. Các chuyên viên bạn từ các phân xưởng cũng túc trực trên cầu tàu, thảo luận báo cáo, phân trình bày nhận xét kỹ thuật của mỗi tàu suốt hành trình, nhất là về máy chánh, máy điện, radar, vô-tuyến. Tôi cùng tham gia với các thủy-thủ-đoàn để trình bày bằng tiếng Anh...

Trong sinh hoạt hằng ngày ở đơn vị, văn phòng của Chỉ huy trưởng khi nào cũng thấy có người : có lúc nhân viên được mời lên trực tiếp gặp đơn vị trưởng trình bày nguyện vọng, có lúc nhiều sĩ quan ngồi quanh bàn làm việc của vị chỉ huy bàn về công tác hoặc được vị chỉ huy cũng chính là Nhà Thơ HỮU PHƯƠNG cho xem bản thảo bài thơ mới làm xong, trên trang đánh máy giấy mỏng từ bàn máy chữ đặt bên cạnh.

Khoảng cuối Hè năm 1965, nhân nói chuyện về Tự lực Văn đoàn và các Nhà Thơ mới thời trước 1945, tôi được Nhà Thơ Hữu Phương đề tặng Thi tập “Luống Biển”. Tôi thật trân quý tác phẩm này vì đó là Thi phẩm của vị chỉ huy một đại đơn vị Hải Quân, nhất là của một vị sĩ quan đàn anh mà cả đơn vị ai cũng kính-nể đức-độ, nhân cách.

oOo

Di-cảo của nhà thơ Hữu Phương (gia đình cố thi sĩ cung cấp) gồm nhiều bài thơ, nguyên bản, từ năm chục năm trước, đánh máy trên giấy mỏng, mang dấu tích thời gian. Một đôi chữ hay dấu tiếng Việt được chỉnh lại bằng bút mực đã bị nhòe. Số lượng đáng kể. Có lẽ đó là những bản gốc để in thành các Thi tập đã được xuất bản trước năm 1975 ở Sài Gòn.

Lần lướt xem lại từng bài thơ, tìm thấy một số trang được ghi ngày tháng ở cuối bài thơ, như “-hữuphuong- 01.08.”; tựa đề là “10 Giờ Chúa Nhật”. Nhà thơ có mối liên hệ nào đó với khoảnh khắc thời gian ấy nên đã lưu lại kỷ niệm in sâu. Thật vậy, tháng 8 là thời gian vị Chỉ

huy trưởng mới nhận quyền chỉ huy đại đơn vị tại bán đảo Sơn-trà. Bài thơ mô tả sân của đơn vị, tuy là sáng Chúa nhật nhưng nhiều nhân viên qua lại để chuẩn bị đi công tác.

*Nhìn con đường trại này
Nắng tràn trên sỏi đá
Những dáng người ngập ngừng
Giờ hành quân sắp đến
Một thoáng buồn vương vúi đầu đây*

...

*Họ sắp sửa ra đi
Giờ “H” sẽ điếm*

....

*Thương những kẻ trước giờ hành sự ...
(10 Giờ Chúa Nhật)*

Bài thơ được viết từ phòng riêng của đơn vị trưởng, "Từ vuông phòng nhỏ nhỏ" nhìn ra. Vốn giàu lòng nhân từ, nhìn nhân viên các cấp thuộc quyền chuẩn bị rời “trại-trên” xuống “trại-dưới” để lên chiến đỉnh tách bến khởi hành công tác, vị chỉ huy không khỏi có phút lo nghĩ cho các thủy-thủ-đoàn về chuyến đi sắp đến, trước giờ “H”.

Nhà thơ đã có những cảm xúc sâu sắc, nghĩ đến mọi nhân viên thi hành nhiệm vụ được giao phó. Tinh thần chỉ huy đức-độ đó của Chỉ huy trưởng thể hiện qua sinh hoạt hằng ngày đã khiến cho toàn thể nhân viên rất kính nể đối với cấp chỉ huy.

Một bài thơ khác đề ngày 19.09.65, ký tên “-hữuphuong-”, tựa đề : “Biển Mùa Trờ Động”, với cách diễn tả qua lời thơ, cho thấy tác giả đã cùng các thủy-thủ-đoàn thực hiện công tác hành quân. Vì vận tốc khinh-tốc-đỉnh rất nhanh, khi tàu chạy, mũi tàu bốc hẳn lên khỏi mặt nước rồi đập xuống :

*Giờ ngời đây trên con tàu nháy dựng
Loài ngựa ô sải bước lớn vô chừng
Tôi cỡi sóng băng trùng xa lối mộng*

Với đức tính bao dung, thương yêu đồng đội, Nhà Thơ luôn cầu mong núi sông, đất nước đem an vui đến cho nhân viên các cấp trực tiếp tham gia hành quân :

*Đối với núi âm mờ sương buổi sớm
Chứng giám người đi hối hả chân mau
(Biển Mùa Trờ Động)*

Cũng chính tại Đà Nẵng, bài thơ “Chiêu Hồn Hạ Sĩ Hiệu”, ĐN.16.11.65, gợi nhớ lại một chiến sĩ Hải quân mang cấp bậc Hạ sĩ đã hy sinh ở chiến trường núi Sập mười năm trước đó. Mười năm trôi qua, nhưng trong tâm khảm của vị chỉ huy từng đi chiến dịch khắp đồng bằng Sông Cửu, vẫn còn nhớ tới một chiến hữu chẳng may vẫn số :

*Hình ảnh của người chiến hữu đã chết mười năm về trước
Quả mortar bằm nát mặt chàng*

*Tôi còn nhớ Hiệu mặt xương, da vàng bệnh tật
Tôi nghĩ anh đau gan nên có lần hỏi thăm anh về phân chạy chữa
Anh cười đáp hề gì !*

...

*Họ chen chúc nhau trên một con tàu sông bé nhỏ
Tham gia chiến cuộc miền Nam ...*

...

*Rồi một hôm Hiệu đi không thấy về
Chàng nằm luôn dưới chân núi Sập
Buổi tiễn đưa trời buồn như khóc
Làm sao quên được anh, làm sao quên được anh ?
Người thủy thủ số mệnh hẩm hiu...
(Chiêu Hôn Hạ Sĩ Hiệu)*

Đơn vị Lực lượng Hải quân trên bán đảo Sơn-trà ở cách biệt dân chúng thuộc khu phố Sơn-Chà Quận 3 Đà Nẵng đến gần bốn cây số. Con đường độc đạo men theo chân núi, với nút chặn tại Cầu Trắng, không cho phép dân chúng bên ngoài vào khu quân sự, ngoại trừ một số rất ít gia đình quân nhân. "Trại-trên" xây lưng vào vách núi, ngó ra vịnh Đà Nẵng. "Trại-dưới" gồm Bộ chỉ huy, các phân xưởng, tiếp liệu, nhà máy điện, bồn chứa nhiên liệu và cầu tàu cũng đều nhìn ra vịnh này. Hai trại này ngăn cách bởi đường độc đạo dẫn từ Sơn-Chà về bãi biển Tiên-Sa.

Ở vị trí này không thấy được bình minh vì bị núi cao sau lưng trại che khuất, chỉ thấy hoàng hôn với ánh trời chiều lặn dần ở phía Tây sau rặng Trường Sơn thật xa, bên kia bờ vịnh Đà Nẵng. Khung cảnh thiên nhiên, trước biển sau núi, như gieo cho người quân nhân tại đây cảm thấy tháng ngày phục vụ trở nên dài. Ai cũng mong thư nhà, hầu hết đều gửi từ Sài Gòn ra.

Bài thơ ký tên và đề ngày như thường lệ “-hữuphuong- 02.09.65”, “Lại Một Lần Mong Đợi Thư Em” :

*Anh không nhận được gì của em hôm nay
Khi chiều ngã xuống đêm lên
Biển trở thành đen thẳm
Núi cao trùng trùng ngăn cách
Sương mờ giấu mặt của nhau*

...

*Tình yêu như mạch nước ngầm dưới đất
Mai này tỉnh dậy
Anh tin rằng anh sẽ được thư.
(Lại Một Lần Mong Đợi Thư Em)*

Hằng ngày đối đầu với công tác khi nào cũng có tình huống bất thường, người quân nhân phải bình tĩnh đối phó, can đảm chống trả. Dầu vậy trong tâm tưởng mọi người, hình ảnh thân yêu của gia đình, của vị hôn-thê... như sống bên cạnh. Xin dành giây phút nghe lời tha thiết về kỷ niệm thật riêng tư của nhà thơ, vì công vụ xa xôi cách trở, “Đệ Nhất Chu Niên ĐN.11.11.65 “ :

*Lâu rồi anh không làm thơ cho em
Không thơ nhưng tình ta vẫn êm đềm
Cho đến hôm này, tròn năm kỷ niệm
Hoan hô tình ta đệ nhất chu niên*

...

*Anh dệt cho em bài thơ muôn đời
Anh làm tặng em bài ca tươi vui
Chúng mình cùng đi vào lòng thế kỷ
Em vợ anh chồng thuyền ta ra khơi...
(Đệ Nhất Chu Niên)*

Đọc “Thư Em Không Đến Chiều nay”, “31.07.65 ĐN”, ta thấy rõ khung cảnh doanh trại bên triền núi cao nhìn ra biển chiều. Ráng trời vàng nhạt khuất dần sau dãy Trường Sơn, màn đêm phủ xuống vịnh biển, làm tăng thêm vẻ cô quạnh trước thiên nhiên :

*Chợt nhớ lắm Sài Gòn
Hai bàn tay ngón thon
Thân hình ai mảnh dẻ
Nghe nhớ lẫn với buồn
...
Hồn ta đầy sao xuyên
Trời cũng buồn đổ mưa
Mênh mông nhìn ra biển
Ngơ ngác đến bao giờ.
(Thư Em Không Đến Chiều Nay)*

Thời gian ở Đà Nẵng (nhượng địa Tourane [1] sắc lệnh của Vua Đồng Khánh), cũng có bài thơ đề ngày “29.06.65. ĐN”, với ý thơ mang nỗi nhớ mong, vì chinh chiến mà cách trở đôi nơi tận phương xa :

*Bao giờ anh nhớ em
Màu nắng chốc dịu hiền
Trời Tourane với vợ
Hoàng hôn xuống êm êm
(Với Em Vẫn Là Thương Nhớ)*

Nhà hàng hải xa xưa tìm các vì sao đầu hôm để định vị, Nhà Thơ Hữu Phương khi thấy vì sao đầu tiên hiện lên nghĩ đến mái ấm gia đình với cả tình thương trọn vẹn :

*Bao giờ anh gọi em
Vì sao đầu mọc lên
Sài Gòn không lạc hướng
Ngăn cách không đôi miền
(Với Em Vẫn Là Thương Nhớ)*

Chiến tranh tiếp diễn trên quê hương, hy sinh, tang thương. Trong phạm vi hãn hẹp của gia đình, hay nghĩ đến bao chiến hữu kham khổ ở chiến trường, nhà thơ chạnh nghĩ đến cảnh sống phải xa nhà, đã diễn tả lòng mình, lời an ủi :

*Gặp lúc buồn chinh chiến
Không ngại phần hy sinh
Con tàu dù xa bến
Tình yêu vẫn chúng mình
(Với Em Vẫn Là Thương Nhớ)*

Trước cảnh hằng ngày thuộc cấp luôn tích cực cố gắng hoàn thành mọi công tác giao phó, vị chỉ huy đã thật sự có những giờ phút sống với chính lòng mình. Tâm hồn nhà thơ rộng mở, bao dung, hướng về chiến hữu cùng các suy tư, nhẩn nhủ và chia sẻ riêng với gia đình mình - bài thơ “Ý Nghĩa Ra Đi” đề ngày “30.06.65. ĐN” :

*Anh ra đi không nghĩa rằng chạy trốn
Trốn tình yêu như mọi thứ xa hoa
Chối bỏ em như giấc mộng đã là
Sự thật dịu dàng tìm trong đáy mắt*

*Em còn khóc khi chiều vàng gục tắt
Mái hiên buồn lười nhện mắc đơn sơ
Giữ làm sao tia nắng cuối ơ hồ
Hoàng hôn xuống ngăn đôi bờ sáng tối
(Ý Nghĩa Ra Đi)*

...

Những vần thơ gợi gấm nhắc nhở người thương đầy tình nghĩa nồng thắm "Anh vốn đã là con tàu thì chẳng lẽ, Tháng năm này giữ bên mãi sao em ? " cũng là để gọi lại mối tình qua bao năm tháng, khởi đầu “Màu đại dương xanh thắm... Chiếc áo ấy một lần em đã chọn “.

Nhà thơ phân tích hiện trạng chiến tranh như nổi khổ chung mà ai cũng gánh chịu, không riêng mình, “Quê hương chúng mình đạn bom cắt xén, Đau nào hơn núi lở với rừng thiêu “ và so sánh :

*Sầu chúng ta sao bằng buồn xứ sở
Vắng riêng ai là được cả họ hàng
Mất một đời mà được cả giang san
Yêu chiến sĩ [2] không biết hàng định mệnh
(Ý Nghĩa Ra Đi)*

Gợi về hậu phương, lời nhà thơ đầy xúc cảm, bày tỏ lòng mình với tiết tháo và ý nghĩa đồng cam cộng khổ, khuyên đừng bịn rịn để hướng về đại cuộc. Vần thơ đầy khí phách dũng cảm, lòng yêu nước, ý chí hy sinh :

*Đất như giục chân người mau hãy tiến
Biển như xưa ngàn sóng chiếm vô biên
Ngại ngừng chi em trước cuộc đảo điên
Hãy vứt bỏ niềm riêng ta khởi sự ...*

*Hành trình hôm nay đưa anh vào lũ thú
Chốn hoang liêu cát bụi mịt mù bay
Vách non cao che khuất bóng em gầy
Hình ảnh ấy dưỡng nuôi hồn anh sống*

*Ngay bây giờ và tương lai anh mộng
Em là mây che phủ ấm lòng non
Em là hoa cho đất trở nên hồng
Em là biển cho tìm đâu cũng nước*

*Anh đã đi rồi em ơi! đừng khóc
Gót chân này lăn lóc ... cũng đừng lo
Phút già nhau cùng nghĩa với hẹn hò
Tuy khuất mắt nhưng lòng không cách biệt ...
(Ý Nghĩa Ra Đi)*

Một số bài thơ mô tả đúng tâm trạng người mơ nếp sống hải hồ, tầm mắt ngắm nhìn trời cao biển rộng, cuộc đời với con tàu lênh đênh trên biển cả, nhưng tâm hồn nhà thơ không khỏi có giây phút rung cảm, xao xuyến tâm tư, chạnh lòng nhớ hình bóng cũ, tương phùng sum họp để rồi lưu luyến khi chia ly; thể hiện rõ nét tình yêu lãng mạn của thi ca.

Trong "Mơ Màng" :

*Thấy gió mơ màng đẹp xuôi tơ
Mênh mang đường sóng cuốn ơ hò
Bâng khuâng ta thấy hồn rung động
Trước dáng buồn in những nét mơ
...
Ta muốn em thần tượng của ta
Với làn mắt ấy mắt sao sa
Với làn môi ấy môi kiêu mộng
Với thoáng buồn kia thoáng của hoa
...
Tiếng ái ân nào em chót gọi
Cho ta thờ thần với mong chờ ...
(Mơ Màng)*

Nỗi nhớ mong, hoài niệm hay luyến tiếc trong chuỗi ngày lênh đênh trên biển, làn sóng bạc trắng như hoa biển trắng, những mơ mộng của tâm hồn nhà thơ :

“Mắt em tôi ngỡ trời thiên hạ, Cũng ngỡ môi em biển sóng cười... Phút cô độc ngắm hoàng hôn xuống, Phút vọng tìm em khắp đó đây “ (Tim Em);

“Gặp nhau chưa cạn nỗi lòng, Đành thôi gót trở bạn cùng gió mây... Tàu đi có nhớ chuyến về, Xin đừng khe khắt làm chi hẹn hò...” (Ngấn Ngủ);

“Vẽ trời bỗng trở đìu hiu, Mây bay lác đác biển chiều mênh mang, Buồn đôi cánh nhỏ chơi vơi, Buồn về bến mẹ à cung trời sao thừa.” (Biển Chiều);

“Nếu hồn anh thôi giữ mảnh hồn em, Vì khiếp sợ anh mong thành thi sĩ, Để cùng nhau qua muôn vạn nỗi niềm...” (Những Ngày Phiêu Bạt).

Cuộc đời đã chọn lấy hải nghiệp, gợi nhớ lúc già từ bến bờ, hay khi nhỏ neo đậu vào những hải trình xa xăm, một thoáng buồn trong ý nghĩ mô tả tâm tình vốn đa cảm của nhà thơ dành cho người ở lại :

*Buồn sao giây phút lên neo
Tàu đi bỏ lại ngoằn ngoèo luống khơi
...
Hôm nao trông cánh thư màu*

*Cánh thư không lại con tàu nhỏ neo
Sóng lên trắng biển gió vèo
Nỗi buồn hun hút đuổi theo chân trời ...
(Rời Bến)*

*Mỗi lúc còi vang khúc giã từ
Tàu ơi! có biết những tâm tư
Của người ly xứ, người lưu xứ
Gói ghém vào trong những cánh thư
...
Chúng ta sẽ nói gì mai ấy
Ánh mắt rung rung bóng nhận mòn.
(Phút Buồn)*

*Dặm trường hồ hải dài thương nhớ
Bốn bức phòng khuê, mấy phiến sào*

*Đời anh chiếc bóng thuyền xuôi ngược
Gió có thương gì cánh lá rơi
Nếu được hình em trong sóng đội
Thì sâu chi bấy lúc chia phôi.
(Đôi Phút)*

Nặng tình cổ hương, ra đi có khi lòng nặng trĩu, nhà thơ không quên tình cảm quyến luyến mái nhà xưa, hàng cau, con sông nhỏ quê nhà :

*Nhớ con sông nhỏ nước trong
Triền miên gửi mạch cho dòng Tiền Giang
...
Vàng mây chấn ngổ tìm quê
Cổ hương ơi ! nỗi niềm tê buốt hồn
...
Lênh đênh quen thú hải hồ
Chừng xa dáng đảo tưởng bờ dẫu yêu ...
(Ra Khơi Nhớ Nhà)*

Trên bài "Xuân Viễn Hành", có hai câu thơ "Ven xóm bao lần nghe tiếng sóng, Bên chôn luồng nước đuổi sau tàu" mà bốn mươi sáu năm trước người viết đã đọc trong Tập thơ "Luồng Biển", do tác giả đề tặng, và còn nhớ đến ngày nay. Rất tiếc tập thơ đã mất cuối tháng 3 - 1975 tại Đà Nẵng, khi Quân Đoàn I rút lui. Nay đọc di cảo của Nhà thơ Hữu Phương, tìm thấy lại hai câu ấy có cả tựa đề bài thơ, người viết xúc động nhớ lại hình ảnh cũ của tác giả tại căn cứ dựa lưng vào núi, bán đảo Sơn-Trà.

"Xuân Viễn Hành" như chứa đựng cả một khung trời đầy kỷ niệm của tác giả ở quê nhà trước khi theo con đường hải nghiệp (theo Tiểu sử và Võ nghiệp, tác giả quê ở Bến Tre, ngày ra Trường Sĩ quan Hải quân, phục vụ tại một đơn vị Hải quân trên sông) :

Mái lá nhạt chiều thơm cổ hương

Hàng cau buông xõa tóc kiều nương
Bờ đê hí hửng đàn chim đại ...
Tranh ảnh mờ theo gót viễn phương

Tôi già từ em khi nắng vàng
Rủ trên đồng lúa tiết xuân sang
Sông dài ôm ấp sầu hoang cổ
Gió bão mênh mang sóng bể ngàn

Đẹp thuở ta còn trong tuổi thơ
Chập chờn mây bướm lạc trời mơ ...
Từ khi tôi biết đường ra biển
Một mảnh tâm tư giạt bến bờ

Mắt tôi đã rướm buồn ly biệt
Chân ngập ngừng đi lúc tiễn nhau
Ven xóm bao lần nghe tiếng sóng
Bôn chôn luồng nước đuổi sau tàu

Mây hồng rợp bóng trời quan hải
Gió cũng xôn xao biển sóng cười
Nhưng đã xa em hàng mấy dặm
Xuân làm sao thắm mảnh tình khơi ?
(Xuân Viễn Hành)

Bên cạnh những vần thơ ca tụng tình yêu hay biểu thị tâm hồn thanh thoát của nhà hàng hải sống giữa trời biển, nhà thơ còn trải bày tình cảm tiềm ẩn trong tâm hồn hướng về quê nhà, các rung cảm sâu xa trước thiên nhiên :

Gói thương gói áng mây chiều (Ủy Thác Cho Mây);
Hồn tôi chợt thấy lạnh lùng giữa khơi (Đường Ra Hải Đảo);
Vòm trời ray rứt sao thưa (Đêm Vượt Biển);
Hoang đảo buồn sao kiếp lẻ loi (Hải Đảo Đêm Trăng);
Người với biển là đôi tri kỷ
Sóng với mây là nhựa dưỡng tin yêu (Bãi Biển Chiều Hôm).
Tôi lái tàu mấy khi xuôi gió
Trời mênh mông ngàn biếc chứa hoang liêu (Tâm Sự Người Đi Biển)

Nhà thơ còn cho thấy tâm tưởng luôn có hình ảnh gia đình quây luyến dù cho phục vụ trên chiến hạm hay đảm nhiệm chức vụ chỉ huy ở miền duyên hải xa xôi, thường phải xa nhà. Rạo rức chờ mong ... như biết bao gia đình Hải Quân cùng cảnh ngộ ngày chiến hạm về bến sau chuyến công tác tuần dương kéo dài hằng tháng. Ở đây, tác giả đã mô tả giờ phút về lại mái ấm gia đình với nhiều cảm xúc dồn dập khiến người đọc rất cảm động : thấy con chờ bên cửa, nghe tiếng con gọi, "chóng thấy con ngoan" ...

Tôi về đến con nhìn qua khe cửa
Mắt long lanh như biển cả vì sao
Tiếng gọi "ba ơi !" điệp khúc thanh tao
Đưa tôi vào một khoảnh trời xanh thắm

...

*Rồi bỏ chạy vào phòng trong âu yếm
Dúi đầu bên tay mẹ ấp yêu cho*

- Bé Loan ơi !
- Tiếng đáp : hử !

tôi mơ

Tia nắng đẹp cợt đùa ranh mãnh sóng

...

*Gia đình tôi biển chiều im sóng lả
Vây đều hiu từ phút tiễn tôi đi
Khi tôi về trời sáng đẹp diên kỳ
Ngôi bắc đầu soi qua hôn êm ái.
(Khi Tôi Về)*

Bài thơ đề ngày “19.09.65”, tuy không ghi “ĐN.” như thường lệ, nhưng theo tiểu sử thì thời gian ấy, tác giả đang chỉ huy một Lực lượng Hải quân ở Đà Nẵng. Có thể nói thời điểm ấy là lúc nhà thơ đã sáng tác rất mạnh. Thơ nhiều thể loại, nhuốm màu sắc thiên nhiên trước cảnh trí vịnh Đà Nẵng với núi đồi bao quanh doanh trại, mô tả nếp sống hằng ngày trong đơn vị, nói lên sự yên tĩnh, đơn độc, xa thành phố à Chính vì vậy, trong “Biển Mùa Trở Động”, tác giả chạnh nghĩ về gia đình và thân thuộc, sống lại với kỷ niệm xa xưa :

*Mưa với gió xoa mặt mình bông rát
Cái chòng chành nhớ chị... vông thay nôi
Tiếng hát vọng xưa khi đời còn thất ngật
Ngủ đi em! cơn nóng sốt qua rồi
(Biển Mùa Trở Động)*

Lòng hiếu thảo ấy được tác giả nhắc lại rất rõ qua bài hồi ký “Giờ Thứ 25 của Người Lính Biên”, ký tên Nguyễn Hữu Chí, Tạp chí ĐI TỚI [3] tháng 4 & 5 - 2001, Canada. Bài viết kể lại chuyện xảy ra vào buổi sáng ngày 29 tháng 4-1975 tại Bộ tư lệnh Hải quân Sài Gòn và chuyện đêm 29 tháng 4- 1975 đoàn tàu rời bến Bạch Đằng ra khơi đến điểm hẹn Côn Đảo.

Lo âu về thân thuộc, tác giả đã viết : "Tôi nghĩ đến hai bà chị của tôi. Hai người thân tình nhưт đời tôi sẽ phải sống thiếu vắng tôi cho đến bao giờ. Hai chị ở bên kia Khánh Hội... biên mấy chữ nhờ Cha Tuyên ủy trao hộ về Tân Qui..."(trang 94).

oOo

Sau khi rời Việt Nam năm 1975, ngoài bài hồi ký nêu trên, nhà thơ Hữu Phương còn có những bài thơ chưa chính thức phổ biến, nhưng nhiều tài liệu cho thấy tác giả đã chọn tựa đề cho tập thơ là “Kiếp Lưu Đà” gồm Tập I, II và III.

Nhà thơ Vĩnh Liêm, Việt Nam Thời báo ở Hoa kỳ[4], cho biết : “tháng 7-1983, nhà thơ Hữu Phương gửi tặng tôi tập bản thảo 'Kiếp Lưu Đà' của ông (không rõ tập I hay là tập II vì tác giả không đề chỉ cả)". Việt Nam Thời Báo cũng có đăng thơ của Hữu Phương. Ngày nay, vì không tham khảo được những trang thơ của 'Kiếp Lưu Đà', nhân viết bài để tưởng niệm vị Chỉ huy trưởng khả kính nay đã quá vắng, và những kỷ niệm của đơn vị cũ, chúng tôi xin phép - qua tài liệu của nhà thơ Vĩnh Liêm - ghi lại đây những vần thơ của tác giả Hữu Phương

sáng tác ở hải ngoại sau 1975 để tìm hiểu mối ưu-tư, xúc cảm 'ly xú' của nhà thơ từ thâm tâm đã có lòng tha thiết với quê hương, nghĩa đồng bào; nhưng đành phải lìa xa đất nước :

*Đất nước như xa tận cõi nào
Triền miên vắng vắng tiếng hờn đau
Sau lưng dĩ vãng kinh hoàng lắm
Cuối kiếp mong sao trả nợ đầu*

...

*Tương lai nào hứa hẹn thần tiên
Cho nước cho dân hết muộn phiền
Nếu phải nên cân ta thả nhịp
Mong rằng quê mẹ hưởng bình yên
(Nếu Phải)*

Tha phương, tâm hồn của nhà thơ luôn nghĩ đến đất nước, và không quên hai chữ "chiến sĩ". Bài thơ "Ý Nghĩa Ra Đi" làm tại Đà Nẵng ngày "30.06.65 ĐN" có hai câu : "Mất một đời mà được cả giang san, Yêu chiến sĩ không biết hàng định mệnh".

Ở hải ngoại, dù đã trải qua gần hai mươi năm sau (theo tài liệu của nhà thơ Vĩnh Liêm, 'Kiếp Lưu Đày' tập II, được sáng tác từ 28-09-1981 đến 06-07-1983; và tập III, từ 09-12-1983 đến 16-03-1984); nhà thơ Hữu Phương vẫn ghi nhớ người chiến sĩ ở trận mạc, và đã có bài thơ làm tại hải ngoại : "Ai Từng Giương Cung Nỏ" nhắc nhở chiến sĩ bền lòng "tạo dựng đại cuộc" [4]

*Ta nuôi hồn ta lại
Vun thêm chí quật cường
Sau một lần thua bại
Thành trì phải vững hơn*

Vững lòng đi ! Chiến sĩ [2]

*Khi đã quyết tâm rồi
Ngày qua thôi đừng nghĩ
Ngày mai rạng hướng trời
(Ai Từng Giương Cung Nỏ)*

Ước vọng cao quý của nhà thơ khi nghĩ đến tổ quốc, giang sơn gấm vóc do tiền nhân tạo dựng và để lại đến ngày nay là kêu gọi mọi người cùng nhau 'kết hợp' trong bài "Học Đoàn Kết" : "Thống khổ đồng hương xui ta kết hợp, Mục đích giúp chinh nhân mau thắng cuộc, Diệt bạo tàn bình trị lại giang sơn" :

*Nếu ta luôn nghĩ ngày mai ấy
Thôn xóm ven biên ngập sắc vàng
Sọc đỏ ngày xưa bùng đỏ lại
Huy hoàng phơi phới khắp trời Nam.
(Nếu)*

Ngày ấy sẽ là :

*Ta về với mái nhà xưa
Liếp khoai bụi chuối hàng dừa hân hoan*

*Giã từ cuộc sống đi hoang
Ta về với mẹ - thiên đàng của ta ...
(Điều Mong Mỗi Sáng)*

Vào đúng ngày 28 tháng 6 năm 2011, trên trang Blog của nhà thơ Tôn Thất Phú Sĩ có lẵng hoa hồng trắng ghi dòng chữ : “Thành Kính Tưởng Niệm 23 năm, ngày cố Phó Đề-Đốc NGUYỄN HỮU CHÍ, Nhà Thơ Hữu Phương quá vãng”. Và cũng trên trang ấy có Tiểu sử và Võ nghiệp của Người quá cố, di-cảo về thơ, bài tóm lược của Việt Báo đề ngày 13 tháng 5 - 2000 về cuộc hải trình cuối do Phó Đề-Đốc Nguyễn Hữu Chí kể và bài viết về những vắn Thơ Biển của nhà thơ Tôn Thất Phú Sĩ để tưởng niệm cố Phó Đề-Đốc, Nhà Thơ Hữu Phương.

Ở di-cảo có hơn một trăm sáu mươi bài thơ; kể cả 36 đoản ca. Những đoản ca này, thường có 10 câu, và đôi trường hợp chỉ có 6 hay 8 câu thuần viết về tình yêu lưu luyến, thân phận con người :

*Dù nhau vào giữa biển sâu, Lắc lư cho lẳng thương đau kiếp người
(Đoản ca Một)
Tình yêu biển thắm mù sương, Vãn ghi lời sóng miên trường thủy chung
(Đoản Ca Ba Mười Sáu)*

Hay viết về suy tư con người và vũ trụ bao la :
*Im nghe nút rạn thời gian, Xoay nghiêng vũ trụ hoang mang tuổi đời
(Đoản Ca Mười Bốn)
Ngửa tay nhận một kiếp trần, Trong yên lặng đó muôn lần hư vô
(Đoản Ca Mười Lăm)*

Nhận định về nhân-sinh-quan và triết lý cuộc đời của nhà thơ Hữu Phương, ta thấy tản-mạn trên nhiều bài thơ, lồng vào ngoại cảnh thiên nhiên hay trong đời người, quy luật tạo hóa xoay vần, số phận con người không thoát khỏi, như bài “Phút Buồn” có câu “Cuộc thế dần xoay chẳng mấy ngừng” :

*Khổ nổi cho đời và biển đông
Luống sâu đeo đuổi bước long đong
Bác vừa mới dứt nôm quay lại
Cuộc thế dần xoay chẳng mấy ngừng
(Phút Buồn)*

Thật vậy, đời người hay kiếp người mang ý nghĩa hữu thể khi con người được sinh ra nhưng cũng nằm trong ý nghĩa của hư vô vì chết là trở về với cát bụi. Nhà thơ quan niệm rằng : (trích bài “Vĩnh Cửu và Hư Vô”, làm tại : “ĐN. 16.11.65”)

*Đời người khi nằm xuống
Lạnh lùng một mớ bụi tro
Thì tên tuổi này cũng chỉ là hư vô*

*Này vĩnh cửu !
Này hư vô !
Một thân nghìn thế lệch xô mấy chiều ?
(Vĩnh Cửu Và Hư Vô)*

Như đã trình bày ở trên, trong "Đoàn Ca Mười Lăm", con người sinh ra nhận kiếp sống trên trần thế. Theo quan điểm của nhà thơ, con người tuy có thật đó, hữu hình đó, nhưng vốn đã hư vô : "Ngửa tay nhận một kiếp trần, Trong yên lặng đó, muôn lần hư vô".

Trong "Lời Than Cùng Thượng Đế", một bài thơ rất dài, ý thơ đến với tác giả trong đêm hải hành tối trời, giữa biển khơi "Quanh bốn hướng bức màn đêm buông xuống", tưởng như có ngày thân thể này không còn trên trần gian, "Là chôn đày hay gọi đó trần ai, Hồn quá sợ phút giây sâu cô độc, Người thân tôi xa mấy dặm nghìn xa". Nhà thơ nghĩ đến giờ lâm chung không có người thân trong lúc đi giữa đêm đen dài trên biển cả. Hình ảnh cô đơn ấy quả thật đã đem lại "phút giây sâu cô độc" trong tâm-tư sâu lắng của nhà thơ !

Đức tin Thiên Chúa của nhà hàng hải hiển hiện qua cung cách tôn-kính chiêm-ngưỡng : "Phút thuận đến dâng lời van khẩn Chúa... Xin chớ để hồn tôi tang tóc nữa, Thánh ân Ngài bé nhỏ vẫn còn hơn... Ôi ! Thượng Đế ! lòng mọn này hoang vắng". Và những câu tiếp nối,

*Xin Ngài ở cùng tôi giờ tôi khóc
Giờ chân tôi bước vào cõi hôn mê*

...

*Xin Ngài giữ biển hồn tôi lắng đọng
Cho lời thiêng chìm xuống đáy thân này
Hạt đức tin nứt mầm khơi mạch sống
Ảnh hình Ngài lỏng lộng giữa mây bay*

*Ảnh hình Ngài tôi mang trong dòng máu
Bàn tay Ngài nắm nót thịt xương tôi
Vinh hiển ấy tôi xin vào nương náu
Từ giờ đây cho đến cuối một đời.
(Lời Than Cùng Thượng Đế)*

Ngày trước ở miền Nam, tác giả Nguyễn Đình Tuyển có xuất bản cuốn "Những Nhà Thơ Hôm Nay"[5], tập hợp được nhiều thi phẩm để bình thơ. Có trên ba mươi nhà thơ : Cung Trầm Tưởng, Định Giang, Hoài Khanh, Minh Đức, Nguyễn Sa, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên... và nhà thơ Hữu Phương. Như vậy nhà thơ Hữu Phương cũng đã nổi tiếng như những thi sĩ tên tuổi ở miền Nam trong những năm đầu của thập niên 50 và 60. (Xin xem ảnh bìa sách ' Những Nhà Thơ Hôm Nay', và ảnh của một số nhà thơ được đưa vào sách vừa nêu).

Trong tuyển tập ấy, tác giả Nguyễn Đình Tuyển đã nhận xét về thơ Hữu Phương : "Trong vườn thơ hôm nay, Hữu Phương có một sắc thái đặc biệt. Đó là cảm xúc chân thật của một niềm tin Thiên Chúa giữa trùng dương biển cả" (trang 135). Khi bình thơ của các thi sĩ đương thời, tác giả Nguyễn Đình Tuyển đã viết về Hữu Phương : "Giữa những nhà thơ trẻ hiện đại, Hữu Phương là hình ảnh của trùng dương, biển cả, của xứ mệnh mông bát ngát đang bủa vây chung quanh đất tổ của chúng ta, đang bủa vây quanh tất cả lục địa của loài người" (trang 131) [Di cảo].

oOo

Hình ảnh cố Phó Đề-Độc Nguyễn Hữu Chí, nhà thơ Hữu Phương đã khuất núi, đã để lại trong tâm tưởng của quân nhân Hải quân các cấp lòng tôn-kính cùng niềm thương tiếc vị chỉ

huy giàu lòng nhân ái, hiền lành, đức độ. Đặc biệt, khi sinh thời Phó Đề-Đốc đã luôn ân-cần, gần gũi nhân viên thuộc cấp.

Thi tài của nhà thơ, biểu hiện qua những vần thơ từ tận tâm hồn, rung cảm chan hòa tình-tự quê hương, tình yêu nồng thắm, lòng thương yêu mái ấm gia đình, hiểu thảo với người thân thuộc, rất nhân từ, không quên thuộc cấp giờ phút hành quân hiểm nguy, xót xa cho người chiến sĩ đã hy sinh à chắc hẳn đã làm cho những ai ở trong cũng như ở ngoài quân chủng Hải Quân vốn ngưỡng mộ nhà thơ không khỏi có giây phút chạnh lòng khi nghĩ ngày nay Người không còn nữa trên trần thế !

Đọc di-cảo về thơ của Người, danh-từ “Chiến Sĩ “ được tìm thấy lần đầu trong bài thơ “Ý Nghĩa Ra Đi”, sáng tác ở Đà Nẵng trong thời kỳ còn chiến tranh, ngày 30 tháng 6-1965. Tác giả đề cập đến hai chữ chiến sĩ, cô-xúy tinh thần dũng cảm của biết bao chiến sĩ đã vì quốc vong thân, và nghiêng mình trước sự hy sinh cao quý đó : “Yêu chiến sĩ không biết hàng định mệnh”.

Và gần hai mươi năm sau, hoàn cảnh khác đi, tha phương hải ngoại, những vần thơ mới của Nhà thơ Hữu Phương cũng khơi lại gương chiến đấu anh dũng của người chiến sĩ Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, Quân-Dân-Chính, trong suốt hai mươi năm bảo vệ nền Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa. Từ "Chiến Sĩ" ấy được tìm lại lần thứ hai ở hải ngoại trong bài thơ "Ai Từng Giương Cung Nỏ", kêu gọi : "Vững lòng đi ! Chiến Sĩ, ... Ngày mai rạng hướng trời".

Nhân mùa Tưởng niệm lần thứ 23 ngày cố Phó Đề-Đốc Nguyễn Hữu Chí, nhà thơ Hữu Phương quá vãng, chúng tôi thành kính dâng nén hương lên Anh Linh Người quá cố.

Qua nhiều năm tháng dài Người tận tụy phục vụ Hải Quân, phụng sự Tổ Quốc, nhưng tiếc thương thay, cuối đời phải ly hương, lâm vào hoàn cảnh chung của đất nước. Rồi cảnh tử biệt đến ... thật vô cùng đau buồn trước sự mất mát quá lớn cho gia đình. Nhà thơ Hữu Phương vĩnh viễn ra đi là trọng tang cho cả Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa.

Phó Đề-Đốc NGUYỄN HỮU CHÍ, Nhà Thơ HỮU PHƯƠNG đã ra đi vĩnh viễn ngày 28 tháng 6 năm 1988. -

Đệ Nhất Thiên Xứng / ngành Cơ Khí
NGUYỄN VĂN QUANG
Strasbourg ngày 23 Juillet 2011
FRANCE

Chú thích :

[1] Tourane, nhượng địa của Pháp, theo Sắc lệnh (Ordonnance) ngày 3 tháng 10 năm 1888 của Vua Đồng-Khánh. Guides Madrolle, page 190, PARIS, 1939.

[2] Danh-từ “Chiến Sĩ “ được tìm thấy ở bài thơ “Ý Nghĩa Ra Đi”, sáng tác trong thời gian ở Đà Nẵng, ngày 30 tháng 6-1965. Gần hai mươi năm sau, tha phương ở hải ngoại, thơ Hữu Phương vẫn tìm thấy từ "Chiến Sĩ" ấy trong bài thơ "Ai Từng Giương Cung Nỏ".

[3] Tạp chí 'ĐI TỚI' số 44 & 45, tháng 4 & 5 - 2001, các trang 94, 97, phát hành ở Montréal, Canada -- “Giờ Thứ 25 của Người Lính Biển”, ký tên Nguyễn Hữu Chí, ghi ngày 13 tháng 5 -

1988. Bài viết kể lại buổi sáng ngày 29 tháng 4-1975, tại Bộ tư lệnh Hải quân, bến Bạch Đằng. “Ngoài phố Sài Gòn, cơn sốt đã lên cao...”. (tr. 94).

Trên cùng bài báo, tác giả cũng đã nghĩ đến đồng bào còn lại trong nước : "... Và cũng biết đâu vĩnh viễn quê hương cùng vô số đồng hương không thể tìm đâu phương tiện vượt thoát. Tôi bỏ lại phía sau hai bà chị già (một trong hai đã mất từ chín năm qua), hai đứa cháu cùng hai đứa chắt..." (tr.97).

Tại VietBao.com, ngày 13 tháng 5 - 2000, tác giả Vương Hồng Anh đã tóm lược bài hồi ký của Phó Đề-Độc Nguyễn Hữu Chí được “phổ biến vào giữa năm 1988 trên tạp chí KBC”.

[4] <http://thothanhuu.tripod.com/tanmanuc/tuongniemnhathohuuphuong.htm>

Theo tài liệu của nhà thơ Vĩnh Liêm, Việt Nam Thời Báo ở Hoa Kỳ, nhà thơ Hữu Phương "có gởi thêm hai bài tham luận, một bài ký tên thật qua nhan đề ‘Tập thể Quân đội : Sức mạnh cần được thể hiện và củng cố, và một bài khác ký dưới bút hiệu Hữu Phương ‘Ôn cố tri tân’. *Điện thư gửi từ Pháp lúc 17 :16 giờ, ngày 13 tháng 7 - 2011, để xin trích một số câu thơ Hữu Phương sáng tác sau năm 1975.*

[5] 'Những Nhà Thơ Hôm Nay' 1954-1964, Tủ sách Giáo khoa, tác giả Nguyễn Đình Tuyển, Nxb. Nhà Văn Việt Nam, Sài Gòn 1967. -